

4 **1. Giao tiếp ứng xử sư phạm trên lớp**

Khái niệm giao tiếp:

"Giao tiếp được hiểu là quá trình *thiết lập nên mối quan hệ hai chiều* về mặt tâm lý giữa người với người, nhóm xã hội nhằm *truyền đạt ý đồ, tư tưởng, tình cảm, ý nghĩ lẫn cho nhau, gây ảnh hưởng qua lại, cảm hoá lẫn nhau và để lại dấu ấn trong nhau* khi sử dụng những phương tiện, điều kiện nhất định ở trong những môi trường xã hội xác định."

5 **1. Giao tiếp ứng xử sư phạm trên lớp**

Khái niệm giao tiếp sư phạm:

"Giao tiếp sư phạm được hiểu là quá trình thiết lập nên mối *quan hệ hai chiều về mặt tâm lý giữa nhà giáo dục với người được giáo dục nhằm truyền đạt ý đồ, tư tưởng, tình cảm lẫn cho nhau, gây ảnh hưởng qua lại, cảm hoá lẫn nhau và để lại dấu ấn trong nhau.*"

Giao tiếp sư phạm là một phương tiện, điều kiện tâm lý quan trọng, quy định chất lượng và hiệu quả của việc giải quyết các nhiệm vụ giáo dục - đào tạo của nhà trường.

6 **1. Giao tiếp ứng xử sư phạm trên lớp**

Khái niệm giao tiếp sư phạm:

"Giao tiếp sư phạm được hiểu là quá trình thiết lập nên mối *quan hệ hai chiều về mặt tâm lý giữa nhà giáo dục với người được giáo dục nhằm truyền đạt ý đồ, tư tưởng, tình cảm lẫn cho nhau, gây ảnh hưởng qua lại, cảm hoá lẫn nhau và để lại dấu ấn trong nhau.*"

Giao tiếp sư phạm là một phương tiện, điều kiện tâm lý quan trọng, quy định chất lượng và hiệu quả của việc giải quyết các nhiệm vụ giáo dục - đào tạo của nhà trường.

7 **1. Giao tiếp ứng xử sư phạm trên lớp**

Bản chất của giao tiếp sư phạm:

- Giao tiếp sư phạm một loại hình giao tiếp có tính nghề nghiệp giữa GV với HV trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giáo dục và giáo dưỡng,
- Chức năng cơ bản là tạo ra sự tiếp xúc về mặt tâm lý, xây dựng bầu không khí tâm lý thuận lợi cho dạy học, định hướng các quá trình tâm lý và phát triển nhân cách cho HV theo mục tiêu giáo dục,
- Tạo cho quan hệ GV trong tập thể HV và trong hoạt động dạy học được diễn ra một cách hợp lý.
- Giao tiếp sư phạm được coi là một thành phần cơ bản của hoạt động sư phạm.

8 **1. Giao tiếp ứng xử sư phạm trên lớp**

Điều kiện của giao tiếp sư phạm:

- Điều kiện vật chất và tinh thần cho giao tiếp sư phạm:
 - Nền kinh tế, văn hoá, xã hội
 - Máy móc, phương tiện, trang thiết bị, kỹ thuật
 - Ý thức giao tiếp
- Điều kiện tâm lý xã hội của nhóm, tập thể HV và nhóm nhà trường như: truyền thống, tâm trạng, dư luận, bầu không khí tâm lý trong nhóm, tập thể;
- Điều kiện tâm, sinh lý của từng chủ thể GV và HV.

9 **1. Giao tiếp ứng xử sư phạm trên lớp**

Vai trò của giao tiếp sư phạm:

- Tạo ra điều kiện cần thiết, cơ hội thuận lợi cho sự tăng trưởng và phát triển về trí tuệ, hiểu biết xã hội cho từng chủ thể;
- Qua các quá trình tiếp xúc về mặt tâm lý với nhiều người mang những cá tính khác nhau, mỗi chủ thể có điều kiện để làm hình thành được những nét cá tính tốt cho mình một cách độc lập và có sắc thái riêng;
- Qua các quá trình tiếp xúc, ở mỗi chủ thể sẽ có đủ các điều kiện tâm lý xã hội để giữ được thăng bằng về thần kinh, duy trì sức khoẻ và tạo ra sự bình an về mặt tâm lý.

10 **1. Giao tiếp ứng xử sư phạm trên lớp**

Chức năng cơ bản của giáo tiếp sư phạm:

- Chức năng thông tin. Trong giao tiếp các chủ thể thực hiện việc truyền, nhận và xử lý thông tin toàn diện về nhau;
- Chức năng tạo lập các mối quan hệ, sự hiểu biết lẫn nhau giữa các cá nhân, nhóm, tập thể;
- Chức năng nối mạch cho sự tiếp xúc giữa các cá nhân.

11 **1. Giao tiếp ứng xử sư phạm trên lớp**

Giao tiếp sư phạm có những đặc điểm cơ bản như:

- Trong giao tiếp sư phạm, GV một chủ thể gián tiếp không chỉ giao tiếp với HV qua nội dung bài giảng, tri thức khoa học mà còn là tấm gương sáng, mẫu mực về nhân cách để các em noi theo;
- Có sự khôn khéo trong ứng xử;
- Giao tiếp sư phạm mang tính chuẩn mực, tính khoa học, tính nghệ thuật, tính phát triển nhân cách và tính giao tiếp.

12 **1. Giao tiếp ứng xử sư phạm trên lớp**

Giao tiếp bằng ngôn ngữ nói

- Đặc điểm xã hội
 - Ngữ pháp, từ vựng và ngữ âm.
 - Ngôn ngữ nói chứa đựng cái nghĩa xã hội trong nội hàm của khái niệm.
 - Ngôn ngữ nói được xã hội và cá nhân sử dụng trong giao tiếp với người xung quanh.
 - Ngôn ngữ nói được cá nhân sử dụng để biểu đạt trong những tình huống, hoàn cảnh cụ thể.
- Đặc điểm cá nhân
 - Đặc điểm của giọng điệu, ngữ điệu, nhịp điệu của lời nói
 - Cách sử dụng từ trong câu và ngữ pháp
 - Phong cách ngôn ngữ thể hiện qua giọng điệu, cách phát âm, vốn từ, cách sử dụng từ, ngữ pháp, cách diễn đạt, mật độ thông tin.

13 **1. Giao tiếp ứng xử sư phạm trên lớp**

Giao tiếp bằng ngôn ngữ viết:

- Ngôn ngữ viết có sự khác biệt ở chỗ, ngôn ngữ viết được thể hiện bằng ký hiệu, đường nét và khoảng cách của đường nét trong không gian. Ngôn ngữ nói được thể hiện bằng ký hiệu âm thanh.
- Ký hiệu, đường nét không gian của chữ viết mang những đặc điểm riêng của cá nhân và cái chung của xã hội được thể hiện qua cái ý và cái nghĩa của ngôn ngữ viết.

Dùng ngôn ngữ viết trong giao tiếp sư phạm có những đặc điểm như:

- Về ngữ pháp của câu, mệnh đề;
- Cách dùng từ trong câu;
- Đường nét, chữ viết, kiểu chữ viết trong ngôn ngữ viết của các chủ thể thì khác nhau.

14 **1. Giao tiếp ứng xử sư phạm trên lớp**

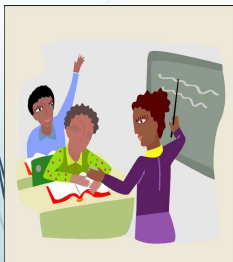
Giao tiếp bằng phi ngôn ngữ

- Tư thế: Giữ thế đứng thẳng thắn và thoải mái
- Cử chỉ: Đôi tay nên để tự nhiên. Cử chỉ phải tự nhiên và đúng mực, không nhanh và không thay đổi thất thường
- Diện mạo: trang phục phải phù hợp; luôn luôn nhìn trước khi nghe;
- Giao tiếp mắt: giao tiếp mắt giúp thiết lập và xây dựng mối quan hệ giữa người dạy và người học.
- Vẻ mặt: Trên vẻ mặt nên thể hiện sự nhiệt tình và tự tin. Mỉm cười, tươi vui
- Thái độ: Người dạy phải tỏ thái độ tôn trọng, ân cần và chú ý tới người học, phải có phong thái tự nhiên.

15 **2. Kỹ năng giao tiếp sư phạm**

Khái niệm kỹ năng giao tiếp sư phạm

*“Kỹ năng giao tiếp sư phạm được hiểu là **phức hợp những phẩm chất trí tuệ** của nhân cách đảm bảo cho chủ thể biết nghĩ đúng để tìm ra lời giải hợp lý và tối ưu nhất cho toàn bộ những **nhiệm vụ của giao tiếp sư phạm**.”*



16 **2. Kỹ năng giao tiếp sư phạm**

2.1. Kỹ năng hiểu người học

"Kỹ năng hiểu người học được coi là phức hợp các thuộc tính trí tuệ của nhân cách nhà sư phạm, đảm bảo cho họ biết suy nghĩ đúng để tìm ra lời giải hợp lý, tối ưu nhất cho toàn bộ mọi nhiệm vụ giáo dục cũng như giáo dưỡng đang đặt ra trước mình."

- Kỹ năng đọc trên nét mặt, cử chỉ, hành vi, lời nói.
- Kỹ năng chuyển những thông tin qua tri giác những thuộc tính bên ngoài của đối tượng vào hoạt động tư duy và tưởng tượng để nhận biết được những thuộc tính bản chất của nhân cách của họ
- Kỹ năng nhận biết những dấu hiệu bên ngoài của người học.

17 **2. Kỹ năng giao tiếp sư phạm**

2.2. Kỹ năng gây thiện cảm, tạo bầu không khí tâm lý cởi mở

"Kỹ năng này được hiểu là phức hợp các thuộc tính trí tuệ của nhân cách GV đảm bảo cho họ biết nghĩ đúng để tìm ra lời giải hợp lý và tối ưu nhất cho toàn bộ các nhiệm vụ gây thiện cảm, tạo bầu không khí tâm lý cởi mở, thuận lợi trong quá trình giao tiếp với người học."


- Thực hiện và kiểm tra việc tạo ra sự đồng nhất tâm trạng giữa đối tượng và chủ thể để có sự đồng cảm.
- Biết xác định rõ điều kiện, không gian và thời gian giao tiếp, hướng đến cho quá trình tiếp xúc.
- Biết gây ra sự thiện cảm và tạo ra bầu không khí tâm lý thuận lợi trong quá trình tiếp xúc.

18 **2. Kỹ năng giao tiếp sư phạm**

2.3. Kỹ năng cảm hoá, thuyết phục người học trong quá trình giao tiếp

Khái niệm: "Đó là phức hợp các phẩm chất trí tuệ của nhân cách nhà sư phạm, đảm bảo cho họ biết suy nghĩ đúng để tìm ra được những lời giải hợp lý và tối ưu nhất cho mọi nhiệm vụ cảm hoá, thuyết phục người học trong quá trình giao tiếp đang đặt ra trước mình."

- Cảm hoá, thuyết phục bằng nêu gương tốt;
- Vận dụng được cơ sở lý luận, phân tích thực tiễn của vấn đề để tìm ra chiến lược cảm hoá, thuyết phục HV;
- Thuyết phục bằng chính hành vi, ngôn ngữ, phong cách và vai trò của nhân cách mình.




19 **2. Kỹ năng giao tiếp sư phạm**

Kỹ năng làm chủ, điều khiển người học trong quá trình giao tiếp sư phạm

Khái niệm: "Kỹ năng này được hiểu là phức hợp các phẩm chất trí tuệ của nhân cách nhà sư phạm đảm bảo cho họ biết suy nghĩ đúng để tìm ra những lời giải hợp lý và tối ưu nhất cho toàn bộ các nhiệm vụ làm chủ, điều khiển người học trong quá trình giao tiếp sư phạm đang đặt ra trước mình."

- Kỹ năng định hướng tư tưởng, tình cảm, hành động của người học;
- Kỹ năng thực hiện việc làm chủ và điều khiển người học;
- Kỹ năng kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả của việc thực hiện nhiệm vụ làm chủ, điều khiển HV để có biện pháp hiệu chỉnh cần thiết theo mục tiêu đã hướng đích.



20 **3. Phương pháp dạy học tại nơi làm việc**

3.1. Diễn trình làm mẫu trong phương pháp bốn bước

3.2. Phương pháp bốn bước



3.1. Diễn trình làm mẫu (DTLM) trong phương pháp bốn bước



3.1.1. Khái niệm DTLM
 3.1.2. Ưu – nhược điểm DTLM
 3.1.3. Vận dụng DTLM
 3.1.4. Biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng DTLM





3.1. Diễn trình làm mẫu (DTLM) trong phương pháp bốn bước



2.1.1. Khái niệm DTLM

Là phương pháp dạy học, trong đó: Giáo viên trình bày thao tác với phương tiện dạy học kết hợp với lời nói giải thích để học viên trực tiếp quan sát, nhằm nhận thức được sự vật, hiện tượng, quá trình hay các thao tác thuộc kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp để ghi nhớ và làm theo.





3.1. Diễn trình làm mẫu (DTLM) trong phương pháp bốn bước



3.1.2. Đặc điểm Diễn trình – Làm mẫu

Giáo viên là người biểu diễn làm mẫu, người học quan sát trực tiếp.

- Phương tiện: thao tác, đồ dùng dạy học, lời nói của giáo viên
- Qua Diễn trình – Làm mẫu HV nhận thức trình tự, kỹ thuật thao tác, chưa hình thành kỹ năng trọn vẹn.





3.1. Diễn trình làm mẫu (DTLM) trong phương pháp bốn bước

3.1.3. Phân Loại Diễn trình – Làm mẫu

a. Về nội dung

- ☐ Trực tiếp trình diễn mẫu
- ☐ Trình diễn mẫu thông qua sử dụng phương tiện kỹ thuật để minh họa một khái niệm, nguyên lý, một kỹ năng.

b. Về hình thức

- ☐ Giáo viên làm mẫu.
- ☐ Học viên làm mẫu (tập trước).
- ☐ Giáo viên và Học viên làm mẫu.
- ☐ Chuyên gia, chuyên viên làm mẫu.
- ☐ Nghệ nhân, thợ bậc cao làm mẫu;




3.1. Diễn trình làm mẫu (DTLM) trong phương pháp bốn bước

3.1.3. Vận dụng phương pháp DTLM

1. Giai đoạn chuẩn bị

- Phát họa sơ đồ chỗ ngồi (đứng) cho người học.
- Tìm hiểu HV, thu hút gây động cơ học tập.
- Phổ biến mục tiêu và nội dung bài diễn trình làm mẫu.
- Lựa chọn và chuẩn bị dụng cụ, thiết bị bài diễn trình.
- Kiểm tra sắp xếp các thiết bị, dụng cụ theo trình tự tiến hành
- Cần luyện tập kỹ các thao tác.





3.1. Diễn trình làm mẫu (DTLM) trong phương pháp bốn bước

3.1.3. Vận dụng phương pháp DTLM

2. Giai đoạn tiến hành

- Giáo viên mô tả khái quát toàn bộ quá trình trình diễn.
- Sắp xếp và giới thiệu dụng cụ và thiết bị trình diễn.
- Thao tác theo kế hoạch, giám sát hv và theo trình tự:
- Lần 1: Làm mẫu toàn bộ với tốc độ bình thường.
- Lần 2: Làm mẫu với tốc độ chậm kèm theo giải thích trình tự, kỹ thuật từng thao tác, lưu ý vấn đề an toàn. Lập lại những thao tác động tác khó, phức tạp, đặc biệt nhắc nhở *móc kiểm, điểm khóa*.
- Lần 3: Làm lại toàn bộ công việc với tốc độ nhanh theo tiêu chuẩn công nhân lành nghề.



3.1. Diễn trình làm mẫu (DTLM) trong phương pháp bốn bước

3.1.4. Biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng DTLM:

- Sắp xếp chỗ ngồi đảm bảo 100% nghe và thấy rõ.
- Tạm ngưng tại điểm chốt, đặt câu hỏi để kiểm tra.
- Diễn trình trọn vẹn một động tác hoàn chỉnh.
- Sử dụng phiếu hướng dẫn thực hiện trực quan làm sáng tỏ các bước phức tạp.
- Trong khi diễn trình thường xuyên đặt các câu hỏi gợi mở, thách thức.



28 **3.1. Diễn trình làm mẫu (DTLM) trong phương pháp bốn bước**

3.1.4. Đánh giá bài diễn trình làm mẫu:
 Sau đây là một số tiêu chí đánh giá bài diễn trình làm mẫu:

Trước khi trình diễn :

- Sắp xếp môi trường vật chất? Thực tập trình diễn trước?
- Thụ tập toàn bộ công cụ, thiết bị, phụ kiện cần thiết và đồ dùng dạy học trực quan?
- Xây dựng danh mục kiểm tra kỹ năng? Để phương tiện dạy học trong tầm tay?

29 **3.1. Diễn trình làm mẫu (DTLM) trong phương pháp bốn bước**

3.1.4. Đánh giá bài diễn trình làm mẫu
 Sau đây là một số tiêu chí đánh giá bài diễn trình làm mẫu:

Trong khi trình diễn:

- Trình bày kỹ năng cần được trình diễn? Đảm bảo chắc chắn tất cả đều nghe, nhìn thấy.
- Nói với học viên chứ không nói với thiết bị? Trình diễn các bước một cách chậm rãi?
- Chỉ/trình bày mỗi qui trình một lần? Giữ các bước trình diễn theo trình tự đúng?
- Sử dụng đồ dùng dạy học trực quan để làm rõ các bước phức tạp.
- Nhấn mạnh những điểm kiểm tra an toàn và những điểm gay gắt.
- Lối cuốn học viên bằng cách hỏi họ một số câu hỏi tóm tắt.
- Lặp lại toàn bộ hay từng phần cuộc trình diễn nếu cần.

30 **3.2. Phương pháp dạy học bốn bước**

Bài dạy hình thành các kiến thức, kỹ năng kỹ thuật thường áp dụng theo qui trình của phương pháp 4 bước. Nó là một phương pháp quan trọng trong dạy thực hành nghề mà ở đó học sinh phát triển cả trí tuệ và kỹ năng thực hành. Phương pháp này được tuân thủ theo nguyên tắc diễn trình làm mẫu và làm theo sau đó tiến hành luyện tập.

31 **3.2. Phương pháp dạy học bốn bước**

Muốn cung cấp cho học sinh những kỹ năng kỹ thuật và công nghệ đòi hỏi giáo viên phải vận dụng những thủ thuật và phương pháp có tính chất đặc thù so với các môn lý thuyết.

Bởi vì khi bắt tay vào tập một thao tác, học sinh bắt buộc phải tiến hành quan sát, so sánh không phải giữa kiến thức này với kiến thức khác mà là giữa những cử động phức tạp có trong thao tác khi giáo viên làm mẫu.

Vậy phương pháp dạy học 4 bước là phù hợp và hợp lý nhất trong tình huống vừa nêu trên.

32 **3.2. Phương pháp dạy học bốn bước**

THÔNG TIN	Bước 1: Trình bày thông tin bài thực hành, thao tác cần luyện tập <ul style="list-style-type: none"> ○ Khởi dậy sự chú ý tạo động cơ cho HV. ○ Giới thiệu, làm rõ nhiệm vụ, kiến thức liên quan.
LÀM MẪU	Bước 2: Làm mẫu và giải thích: <ul style="list-style-type: none"> ○ Diễn trình làm mẫu và giải thích về trình tự và kỹ thuật thực hiện. ○ Nhấn mạnh để học sinh nắm bắt và điểm khóa. ○ Lưu ý để vệ sinh và an toàn.
LÀM LẠI	Bước 3: Làm lại và giải thích <ul style="list-style-type: none"> ○ Làm lại các bước và giải thích trọng tâm. ○ Giáo viên: Đặt câu hỏi kiểm tra, sửa lỗi, đem đến sự chắc chắn, an toàn, tạo động cơ học tập, khen ngợi, kiểm tra, phê bình nếu cần thiết.
TỰ LUYỆN TẬP	Bước 4: Tự luyện tập/ chuyển hóa <ul style="list-style-type: none"> ○ Tự thực hiện các công đoạn của công việc. ○ GV Can thiệp vào bằng sự giúp đỡ nếu cần thiết. Kiểm tra kết quả, kiểm tra các tiêu chuẩn đánh giá

33 **3.2. Phương pháp dạy học bốn bước**

Bước 1: Mở đầu bài dạy, mục đích của bước này là khơi dậy động cơ học tập đối với nội dung bài học đó và nhằm giúp học sinh nhận biết được nhiệm vụ học tập. Nhiệm vụ dạy học của giáo viên lúc này là:

- *Gây động cơ học tập.*
- *Xác định nhiệm vụ của học sinh, tiêu chuẩn chất lượng (kỹ thuật, qui trình, thời gian, nội quy).*
- *Lý thuyết liên quan, quy trình, sai hỏng khi thực hiện quy trình.*
- *Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu thực hành.*

34 **3.2. Phương pháp dạy học bốn bước**

Bước 2: Giáo viên diễn trình làm mẫu: Diễn trình (giải thích + phân tích). Mục đích của bước này là diễn trình làm mẫu để học sinh quan sát và tiếp thu. Bởi vậy giáo viên cần chú ý:

- ☐ Phải sắp xếp lớp sao cho toàn bộ học sinh có thể quan sát được.
- ☐ Thực hiện bài diễn trình với tốc độ vừa phải, không cùng một lúc diễn trình nhiều thao tác.
- ☐ Giảng giải cùng với biểu diễn.
- ☐ Đặt câu hỏi để thúc đẩy lớp suy nghĩ học hỏi kéo sự chú ý cả lớp vào những điểm chính.
- ☐ Nhấn mạnh những điểm chính.
- ☐ Lặp đi, lặp lại một vài lần, nếu cần thiết có thể kiểm tra lại sự tiếp thu của học sinh.

35 **3.2. Phương pháp dạy học bốn bước**

Bước 3: Học sinh làm lại và giải thích (học sinh làm từng phần, bỏ ngỡ). Mục đích của bước này là tạo cho học sinh triển khai sự tiếp thu thành hoạt động chân tay ở giai đoạn đầu tiên có sự giúp đỡ, kiểm tra của giáo viên.

Nội dung của bước này là:

- ☐ Học sinh nêu lại và giải thích được các bước công tác.
- ☐ Học sinh lập lại các bước công tác.
- ☐ Kiểm tra, điều chỉnh lại hoạt động cho học sinh.

36 **3.2. Phương pháp dạy học bốn bước**

Bước 4: luyện tập độc lập (HS làm hoàn chỉnh). Mục đích của bước này là học sinh luyện tập kỹ năng.

- ☐ Học sinh luyện tập.
- ☐ Giáo viên quan sát, kiểm tra, giúp đỡ học sinh.
- ☐ Hình thành kỹ năng ban đầu.

37 **4. Phương pháp vấn đáp/đàm thoại**

4.1. Cơ sở chung của phương pháp vấn đáp trong dạy học

Khái niệm: “Phương pháp đàm thoại là phương pháp hỏi đáp trong dạy học, trong đó giáo viên đặt ra câu hỏi, khích lệ và gợi mở để học sinh dựa vào kiến thức đã học mà trả lời nhằm rút ra những kiến thức mới hay củng cố hoặc kiểm tra.”

38 **4. Phương pháp vấn đáp/đàm thoại**

4.1. Cơ sở chung của phương pháp vấn đáp trong dạy học

Vậy có thể hiểu: “Phương pháp đàm thoại là phương pháp mà giáo viên căn cứ vào nội dung bài học khéo léo đặt câu hỏi để học sinh căn cứ vào những điều đã biết về kiến thức, kinh nghiệm đã có của bản thân hoặc sau khi học sinh quan sát hình ảnh, đọc tài liệu, nghe băng ghi âm..., đưa ra những tri thức mới, hay nhằm củng cố, mở rộng, đào sâu những tri thức đã tiếp thu được (hoặc) nhằm tổng kết hệ thống hóa tri thức đã thu lượm được, hay kiểm tra, đánh giá việc nắm vững tri thức của học sinh.”

39 **4. Phương pháp vấn đáp/đàm thoại**

4.1. Cơ sở chung của phương pháp vấn đáp trong dạy học

Đặc điểm:

- Có sự hỏi đáp giữa giáo viên và học sinh.
- Giáo viên khuyến khích tính tích cực, sáng tạo của người học.
- Có sự khích lệ và dẫn dắt của GV để NH trả lời đúng hướng
- Người học rèn tính tự lực, tích cực và tự giác.



40 **4. Phương pháp vấn đáp/dàm thoại**

4.2. Phân loại phương pháp vấn đáp trong dạy học

- Đàm thoại tái hiện (Click !)
- Đàm thoại gợi mở (Click !)

Đặt ra hệ thống câu hỏi liên tiếp nhau để học sinh suy nghĩ và trả lời từng câu hỏi, để tìm ra tri thức mới mà trước đó bản thân học sinh chưa có. Gồm có 2 dạng sau:

- Đàm thoại gợi mở Algorit : câu hỏi đặt theo một trình tự Algorit, học sinh suy nghĩ sẽ tìm kết quả.
- Đàm thoại gợi mở nêu vấn đề : Hệ thống các câu hỏi- trả lời xuất phát từ tình huống có vấn đề, chứa đựng điều đã biết và cái chưa biết. học sinh phải tư duy và trả lời lần lượt các hỏi thì cuối cùng đưa ra được kết quả giải quyết vấn đề đó.

41 **4. Phương pháp vấn đáp/dàm thoại**

4.2. Phân loại phương pháp vấn đáp trong dạy học

Ví dụ câu hỏi Đàm thoại tái hiện

Định nghĩa	Hãy định nghĩa phương pháp thuyết trình ?
Liệt kê	Hãy kể tên tất cả các loại thuyết trình ?
Quan sát	Cho biết lớp mình có bao nhiêu bạn nữ ?
Kể lại	Hàn cảnh ra đời bài quốc ca của Việt Nam ?
Lựa chọn	Trong tất cả dụng cụ này cái nào là phương tiện kỹ thuật dạy học ?
Hoàn thành	Hãy hoàn thành bài toán sau : $9 = \dots \times 3$?

42 **4. Phương pháp vấn đáp/dàm thoại**

4.2. Phân loại phương pháp vấn đáp trong dạy học

Ví dụ câu hỏi Đàm thoại gợi mở

Phân tích	Giai đoạn nào của PPTT là quan trọng nhất ?
So sánh	Sự khác nhau giữa G.A lý thuyết với thực hành?
Giải thích	Điều gì xảy nếu ta uống rượu thay cho nước ?
Tổ chức	Hãy sắp xếp các thông tin này như thế nào cho
Sắp xếp	Sắp xếp trình tự chuẩn bị bài thuyết trình?
Áp dụng	Áp dụng định luật 2 Mewton để tính?
Ví dụ	Lấy 1 ví dụ mô tả sự khác nhau giữa A và B?
Dự báo	Cho biết tỉ lệ học viên tốt nghiệp khóa này?
Khái quát	Bạn sử dụng Đàm thoại như thế nào khi TTSP?
Đánh giá	Phương pháp nào là tốt nhất để dạy lý thuyết ?

43 **4. Phương pháp vấn đáp/đàm thoại**

4.4. Ưu – Nhược điểm phương pháp vấn đáp trong dạy học

- Ưu điểm (Click)
- Nhược điểm (Click)

- ❑ Nếu vận dụng không khéo léo, đàm thoại tái hiện chiếm nhiều thời gian thì không phát triển trí tuệ của học sinh.
- ❑ Nếu quá nhiều câu hỏi sẽ mất nhiều thời gian, ảnh hưởng kế hoạch lên lớp.
- ❑ Đàm thoại có thể trở thành đối thoại giữa giáo viên và một vài học sinh, không thu hút toàn lớp tham gia vào hoạt động chung.

44 **4. Phương pháp vấn đáp/đàm thoại**

4.3. Những yêu cầu cơ bản trong sử dụng phương pháp

Đặt câu hỏi “Đặc điểm của câu hỏi tốt

1. Câu hỏi phải kích thích sự suy nghĩ, đòi hỏi học sinh phải tư duy và vận dụng tri thức, tránh câu hỏi có, không? Đúng, sai? Nếu có giải thích lý do?
2. Câu hỏi phải rõ ràng, dễ hiểu và đầy đủ, mỗi lần nên hỏi một câu, nên dùng ngôn ngữ đơn giản, vừa sức trình độ học sinh, tránh những câu hỏi tối nghĩa, hỏi kỹ lại khi có nhiều câu trả lời.
3. Câu hỏi phải có mục đích, liên quan trực tiếp tới tài liệu cơ bản trong bài và được đặt đúng vị trí và đúng lúc trong bài để nhấn mạnh điểm chốt.

45 **4. Phương pháp vấn đáp/đàm thoại**

4.3. Những yêu cầu cơ bản trong sử dụng phương pháp

Đặt câu hỏi “Đặc điểm của câu hỏi tốt

4. Câu hỏi kích thích sự quan sát (đặc điểm, biện pháp).
5. Câu hỏi vận dụng phương pháp logic, hướng dẫn khả năng khái quát hóa, hệ thống hóa các mối quan hệ nhân quả.
6. Câu hỏi phải nêu được bản chất của những sự vật, hiện tượng hình thành và phát triển tư duy logic.

46 **4. Phương pháp vấn đáp/đàm thoại**

4.3. Những yêu cầu cơ bản trong sử dụng phương pháp

Soan câu hỏi: Đặt câu hỏi ở nhiều dạng khác nhau:

- ☐ Loại xác định : Ai? Tại sao? Thế nào? Ở đâu? Bao giờ? Cách nào? Làm gì?
- ☐ Loại lựa chọn và giải thích.
- ☐ Loại gợi mở: liệt kê, mô tả, chứng minh, giải thích, so sánh, phân tích, tổng hợp.
- ☐ Loại đánh giá: nhận xét, phê bình, ý kiến riêng, thí dụ.
- ☐ Loại gợi mở sự ham muốn hiểu biết bài mới? Điện là gì?

47 **4. Phương pháp vấn đáp/đàm thoại**

4.3. Những yêu cầu cơ bản trong sử dụng phương pháp

Trình tự vấn đáp:

1. Giáo viên đưa ra câu hỏi chung cho cả lớp. Đảm bảo cho HV nghe và hiểu câu hỏi.
2. Dừng lại vài giây/phút cho cả lớp suy nghĩ tìm và sắp xếp câu trả lời.
3. Mời – gọi HV trả lời .
4. Yêu cầu HV khác nhận xét, phân biện và bổ sung (nếu có). Tìm kiếm sự nhất trí cho những câu trả lời đúng .
5. Sau cùng giáo viên phân tích các câu trả lời chốt đáp án

48 **4. Phương pháp vấn đáp/đàm thoại**

Cách gọi HV trả lời:

- Nên tránh gọi 1 HV nhiều lần, bỏ quên một số khác
- Giáo viên chuẩn bị những câu hỏi khó dành cho HV khá/ giỏi và ngược lại

Thái độ giáo viên

- Khuyến khích, động viên, HV bằng nét mặt vui tươi, lắng nghe và tế nhị.
- Không chế giễu câu trả lời sai, tránh đối thoại tay đôi với cá nhân hay nhóm nhỏ HV.

49 **4. Phương pháp vấn đáp/đàm thoại**

Xử lý câu trả lời của người học

- Trả lời đúng
- Trả lời đúng một phần
- Trả lời sai
- Không trả lời

Khen ngợi và thừa nhận học sinh đó.

Đầu tiên khẳng định phần trả lời đúng, đề nghị bổ sung cái tiến phần chưa đúng.

- Ghi nhận đóng góp của học sinh đó.
- Sửa câu trả lời, không sửa học sinh.
- Đề nghị các bạn khác bổ sung.
- Không phê bình học sinh.
- Giảng lại vấn đề.

50 **4. Phương pháp vấn đáp/đàm thoại**

Thăm dò suy nghĩ người học

Thăm dò: là một kỹ thuật "đào xới" suy nghĩ học sinh để tìm ra trong đầu họ có gì! Các kiểu thăm dò như

- Im lặng: cho thời gian suy nghĩ nhiều hơn để trả lời.
- Khích lệ: "xin cứ tiếp tục..."
- Chỉ tiết hóa: "hãy cho tôi biết thêm..."
- Làm rõ: "ý bạn định nói gì với ..."
- Thách thức: "nhưng nếu điều đó đúng, thì điều gì sẽ..."
- Bảng chứng: "bạn có gì cho thấy rằng..."
- Sự liên quan: "theo bạn, nó liên quan tới như thế nào?"
- Ví dụ: "cho tôi một thí dụ thực tế về..."

51 **4. Phương pháp vấn đáp/đàm thoại**

4.4. Một số định hướng đánh giá bài dạy bằng PP Đàm thoại

Để đánh giá một bài dạy bằng phương pháp thuyết trình người ta căn cứ vào các yếu tố sau:

(1) Các chức năng dạy học của phương pháp

- ☐ Đàm thoại có khơi dậy sự chú ý của học sinh hay không?
- ☐ Đàm thoại có tạo được ý thức về vấn đề ở học sinh hay không?
- ☐ Đàm thoại có tái hiện được kiến thức ở học sinh không?
- ☐ Đàm thoại có dẫn dắt học sinh triển khai phát triển kiến thức mới không?
- ☐ Đàm thoại có vận dụng củng cố kiến thức hay không?

52 **4. Phương pháp vấn đáp/đàm thoại**

4.4. Một số định hướng đánh giá bài dạy bằng PP Đàm thoại

Để đánh giá một bài dạy bằng phương pháp thuyết trình người ta căn cứ vào các yếu tố sau:

- (2) Cấu trúc đàm thoại
- (3) Kỹ thuật đặt câu hỏi
- (4) Vai trò chủ thể của giáo viên.

53 **5. Thực hành kĩ năng thực hiện dạy học**


5.1 Tạo lập môi trường học tập

- Tổ chức địa điểm đào tạo có đầy đủ thiết bị, vật tư, phương tiện cần thiết
- Tạo tâm thế, động lực học tập và hợp tác trong lớp học.

54 **5. Thực hành kĩ năng thực hiện dạy học**


5.2. Triển khai dạy học

- Thực hiện dạy học theo giáo án
- Thực hiện dạy học theo phương pháp 4 bước
- Vận dụng kĩ năng dạy học thành thạo và hợp lí
- Sử dụng phương tiện dạy học linh hoạt, hợp lí
- Thực hiện quản lí tốt lớp học, quá trình học tập và thời gian
- Giao tiếp, ứng xử, xử lí tình huống phù hợp và hiệu quả
- Thực hiện kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trong quá trình dạy học và có biện pháp điều chỉnh phù hợp, kịp thời



Thư viện bản

giz



ĐO LƯỜNG KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỌC SINH

ĐO LƯỜNG KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỌC SINH

55

5. Thực hành kĩ năng thực hiện dạy học

5.3. Đánh giá kết quả dạy học theo tiêu chí

- Đánh giá năng lực hình thành ở người học
- Lập hồ sơ về quá trình học tập và kết quả học tập
- Đề xuất biện pháp cải tiến quá trình thực hiện dạy học
